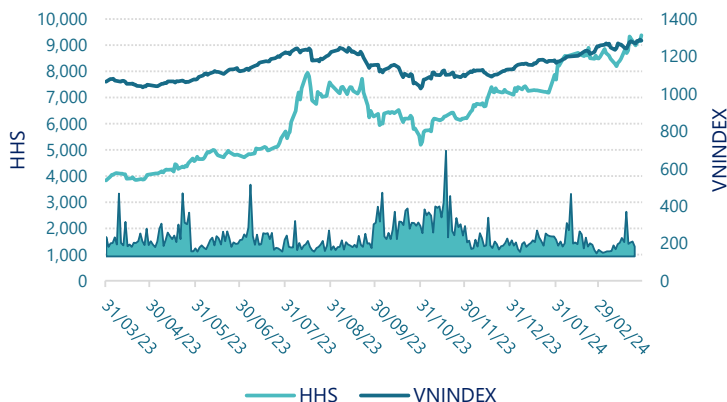




CTCP Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (HSX: HHS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	9,380
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,380
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,833
SL cổ phiếu LH	347,160,713
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,009,275
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,256
P/E	7.6
EPS	1,233

DT thuần

Q1/24

127

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.0 | 12.0%

YoY: ▲ 98.0 | 336%

LN sau thuế

Q1/24

150

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 16.0 | -9.5%

YoY: ▲ 79.4 | 113%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

98.9%

+/- YoY: ▲ 37.3%

DT thuần

2023

367

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 18.0 | -4.9%

LN sau thuế

2023

352

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 127 | 56.6%

ROE

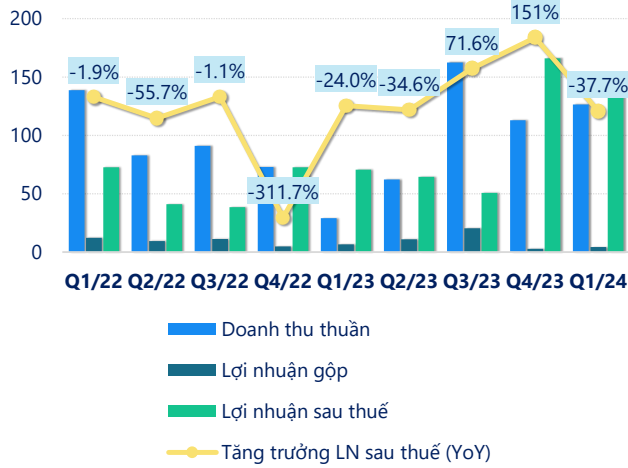
2023

8.0%

+/- YoY: ▲ 2.6%

tỷ VNĐ

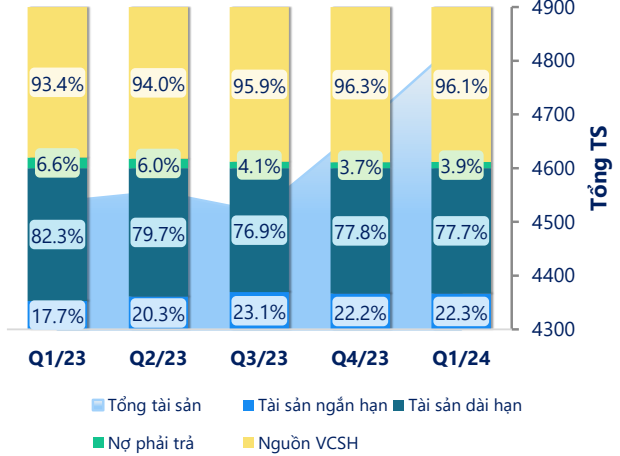
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

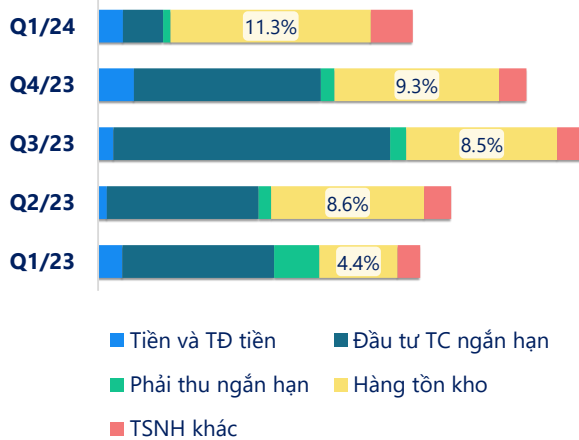
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



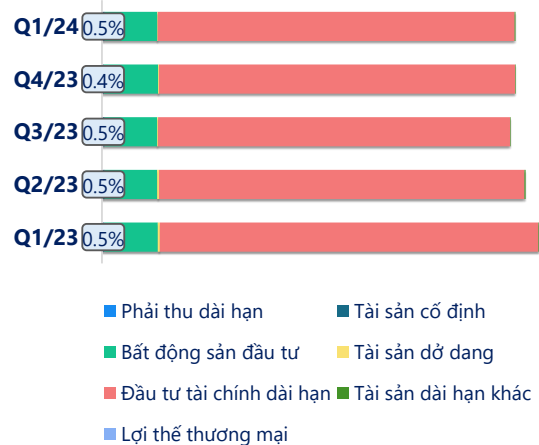
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

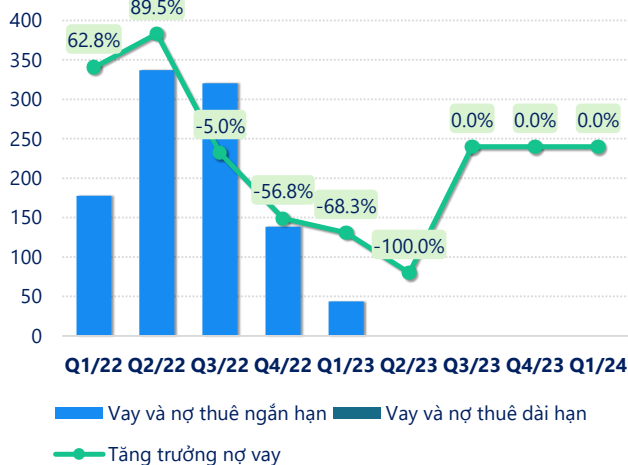
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

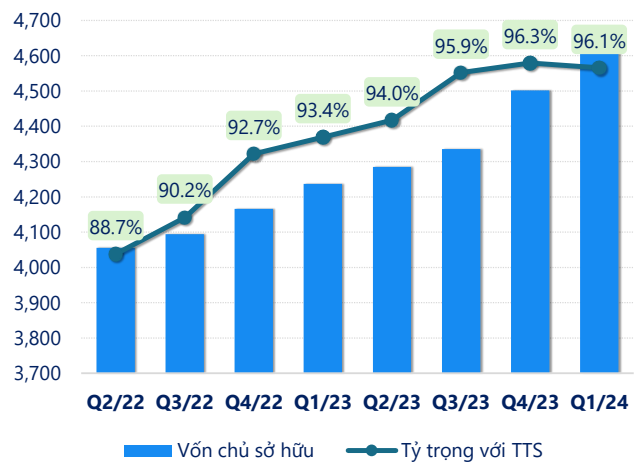
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

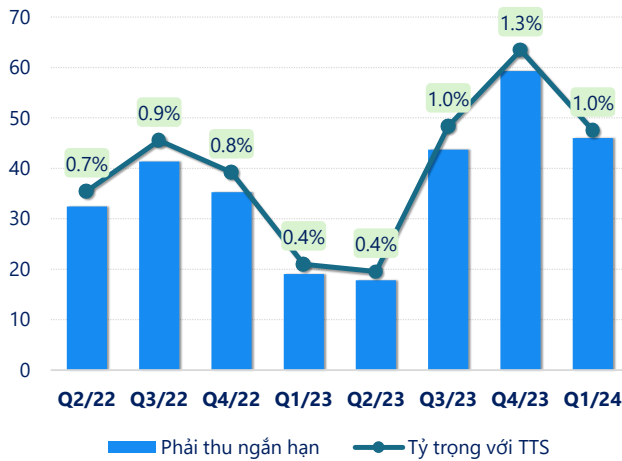
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



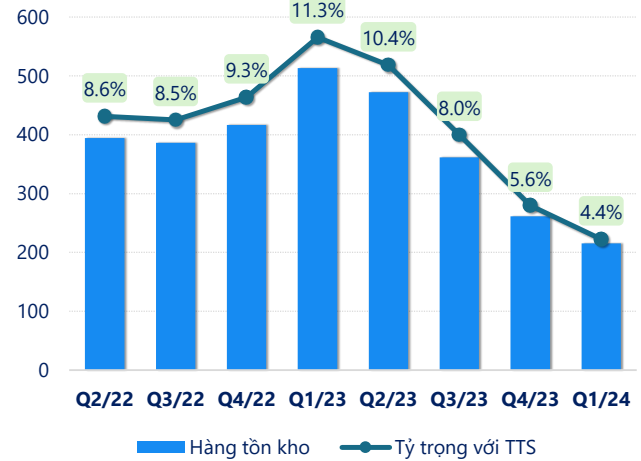
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


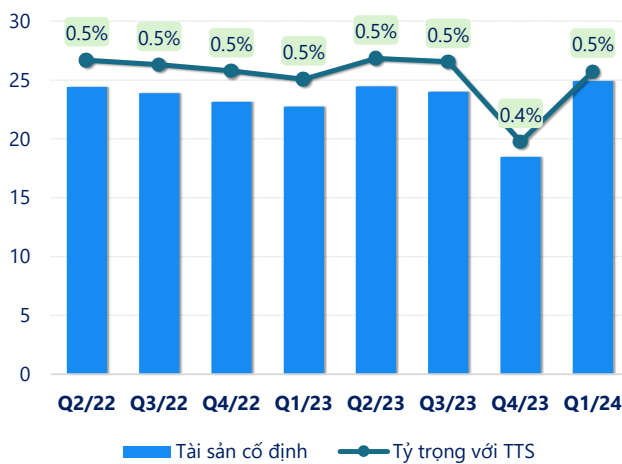
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


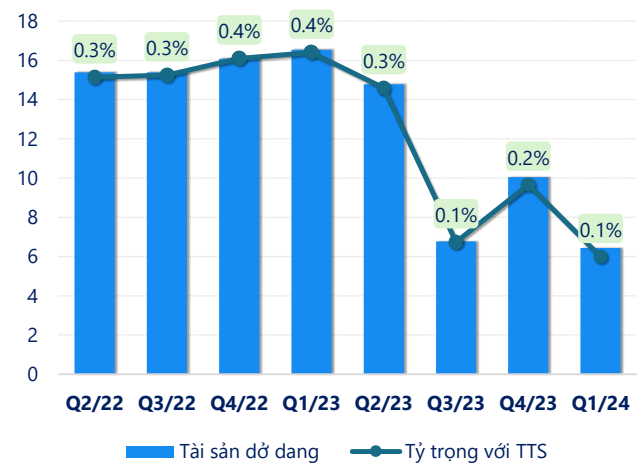
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

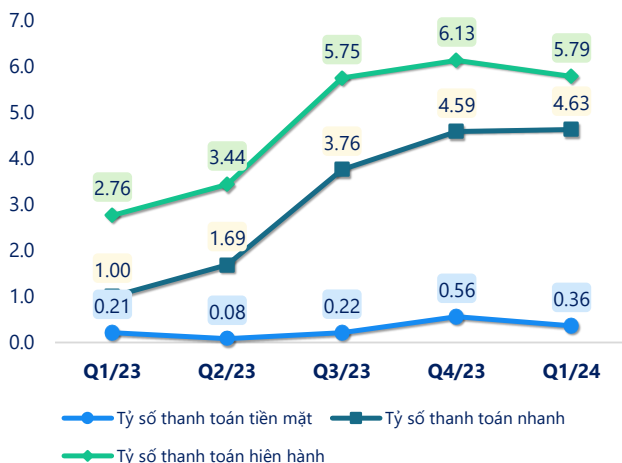
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

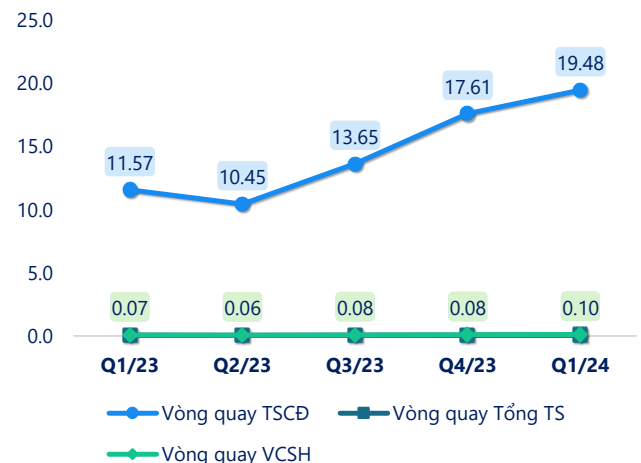
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	4,537	4,556	4,519	4,674	4,841
Tài sản ngắn hạn	804	927	1,044	1,036	1,077
Tiền và tương đương tiền	61.7	22.5	39.2	94.9	67.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	103	314	510	539	669
Phải thu ngắn hạn	19.1	17.8	43.7	59.3	46.0
Hàng tồn kho	513	472	362	261	215
Tài sản ngắn hạn khác	107	101	89.8	82.1	79.2
Tài sản dài hạn	3,733	3,629	3,475	3,637	3,763
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	22.7	24.5	24.0	18.5	24.9
Bất động sản đầu tư	454	450	446	474	477
Tài sản dở dang	16.5	14.8	6.77	10.0	6.44
Đầu tư tài chính dài hạn	3,230	3,131	2,992	3,129	3,249
Tài sản dài hạn khác	9.63	9.56	5.99	5.97	5.98
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	301	272	184	172	188
Nợ ngắn hạn	291	270	182	169	186
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.9	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	144	147	67.4	49.0	81.5
Nợ dài hạn	9.48	1.94	2.23	3.33	1.47
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,237	4,284	4,335	4,501	4,653
Vốn chủ sở hữu	4,237	4,284	4,335	4,501	4,653
Vốn điều lệ	3,214	3,214	3,472	3,472	3,472
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)